

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/DS-ST

Ngày: 13-4-2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp  
hụi”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tơ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Phan Thị Cẩm Hồng
- Ông Lê Khắc Hiệp

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hồ Văn Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên  
tòa:* Bà Lê Ánh Nguyệt - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25a/2022/QĐXXST-DS ngày 21/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Võ Thị M1 (Võ Thị Thúy A), sinh năm 1973, địa chỉ: 296/2 ấp TA, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Người đại diện theo ủy quyền của chị M1: chị Đặng Huỳnh N, sinh năm 1995; địa chỉ: 78/6 ấp AN, xã T, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: chị Nguyễn Thị M2, sinh năm 1988; anh Nguyễn Thành V, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: 120/1 ấp TH, xã G, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Trần Thị Thuộc, sinh năm 1968; địa chỉ: 5/3 ấp TA, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, đơn xin xét xử vắng mặt ngày 13/4/2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn-chị Đặng Huỳnh N trình bày:**

Trước đây chị M1 và chị M2 có tham gia chơi hụi với chị Trần Thị Thuộc do chị Thuộc là chủ hụi. Do chị Thuộc bị vỡ hụi nên úp sổ.

Ngày 11/12/2019 (âm lịch) giữa chị M1, chị M2, chị Thuộc có thống nhất thỏa thuận: chị Thuộc nợ chị M1 số tiền 100.000.000 đồng nhưng không có khả năng thanh toán; đồng thời chị M2 đang nợ chị Thuộc số tiền 70.000.000 đồng là 14 phần hụi chết chưa đóng (mỗi phần 5.000.000 đồng) nên chị M1, chị M2 và chị Thuộc thỏa thuận chị M2 sẽ có trách nhiệm trả cho chị M1 số tiền 70.000.000 đồng thay cho chị Thuộc. Mục đích chị M2 chơi hụi và nợ tiền là nhằm lo cho con ăn học và làm vốn mua bán nên anh Nguyễn Thành V là chồng chị M2 đều biết.

Do đó nay chị M1 thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: chị M1 yêu cầu chị M2 và anh V có nghĩa vụ liên đới trả cho chị M1 số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày thụ lý đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 10%/năm, cụ thể:  $10\%/12 \text{ tháng} \times 06 \text{ tháng} \times 70.000.000 \text{ đồng} = 3.651.666 \text{ đồng}$ . Tổng cộng lãi và vốn chị M2 và anh V có nghĩa vụ trả cho chị M1 là 73.651.666 đồng.

Đối với chữ ký “Hội” trong Giấy giao hụi ngày 11/12/2019 chị Hội không thừa nhận thì chị M1 vẫn yêu cầu tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định, chị M1 không yêu cầu Giám định chữ ký “Hội” trong giấy giao hụi ngày 11/12/2019.

**Theo nội dung Biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn Nguyễn Thị M2 trình bày:** Chị M2 thừa nhận trước đây chị M2 có chơi hụi với chị Thuộc do chị Thuộc làm chủ hụi; hụi khai ngày 20/01/2019 (âm lịch); số hụi viên 32 người; mỗi phần hụi 5.000.000 đồng. Chị M2 kêu và hốt hụi vào ngày 20/7/2019 (âm lịch) với số tiền 89.500.000 đồng; chị Thuộc giao tiền hụi đầy đủ cho chị và chị có ký tên vào giấy giao hụi của chị Thuộc. Sau khi hốt hụi chị phải đóng hụi chết cho chị Thuộc 14 phần với số tiền 70.000.000 đồng nhưng do chị quá khó khăn nên chưa đóng số tiền nêu trên cho chị Thuộc. Sau đó chị Võ Thị M1 (Võ Thị Thúy An) và chị Thuộc có đến gặp chị M2 để thương lượng về việc chị nợ chị Thuộc 70.000.000 đồng tiền hụi chết nhưng chị Thuộc nợ chị M1 số tiền 100.000.000 đồng thì chị M2 sẽ có nghĩa vụ trả 70.000.000 đồng cho chị M1 thay cho chị Thuộc nhưng chị M2 không đồng ý. Chị M2 thừa nhận chị M2 có ký tên vào giấy giao hụi ngày 11/12/2019 do chị M1 giao nộp cho Tòa án nhưng chị M2 không đọc nội dung và chị M2 nghĩ đó là giấy giao hụi ghi số tiền chị M2 còn nợ chị Thuộc là 70.000.000 đồng nên chị M2 mới đồng ý ký tên cho chị Thuộc. Nay chị M1 khởi kiện yêu cầu chị M2 trả số tiền 70.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định thì chị M2 không đồng ý do chị M2 không có nợ tiền chị M1; nếu chị Thuộc khởi kiện yêu cầu chị M2 trả số tiền

70.000.000 đồng nêu trên thì chị M2 mới đồng ý. Mục đích chị M2 chơi hội là để xoay sở chung trong gia đình và nuôi con ăn học, làm vốn mua bán nên anh V là chồng chị M2 đều biết. Do giấy giao hội ngày 11/12/2019 do bà M1 giao nộp cho Tòa án là chữ ký của chị M2 nên chị M2 không yêu cầu giám định.

***Theo nội dung Bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thuộc trình bày:***

Trước đây chị M1 và chị M2 có tham gia chơi hội với chị Thuộc do chị Thuộc làm chủ hội. Do chị Thuộc bị vỡ hội nên úp sổ. Ngày 11/12/2019 (âm lịch) giữa chị M1, chị M2 và chị Thuộc có thống nhất thỏa thuận: chị Thuộc còn nợ chị M1 số tiền 100.000.000 đồng nhưng không có khả năng thanh toán; đồng thời chị M2 đang nợ chị Thuộc số tiền 70.000.000 đồng là 14 phần hội chết chưa đóng (mỗi phần hội 5.000.000 đồng) nên chị M1, chị M2 và chị Thuộc thỏa thuận chị M2 có trách nhiệm trả cho chị M1 số tiền 70.000.000 đồng thay cho chị Thuộc. Mục đích chị M2 chơi hội và nợ tiền là nhằm lo cho con ăn học và làm vốn mua bán nên anh Nguyễn Thành V là chồng chị M2 đều biết. Do đó nay chị Thuộc yêu cầu chị M2 và anh V phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền 70.000.000 đồng cho chị M1 theo thỏa thuận giữa các bên trong Giấy giao hội ngày 11/12/2019 do chị M1 giao nộp cho Tòa án. Chị M2 và anh V sẽ không còn trách nhiệm trả cho chị Thuộc số tiền 70.000.000 đồng nữa. Ngày 26/11/2021 chị Thuộc có đơn xin vắng mặt tại Tòa.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định hiện nay chị Nguyễn Thị M2 và anh Nguyễn Thành V còn nợ chị Võ Thị M1 số tiền 70.000.000 đồng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị M1: buộc chị Nguyễn Thị M2 và anh Nguyễn Thành V có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Võ Thị M1 số tiền 70.000.000 đồng và tiền lãi là 3.651.666 đồng. Tổng cộng lãi và vốn chị M2 và anh V có nghĩa vụ trả cho chị M1 là 73.651.666 đồng

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Nguyễn Thị M2 và Nguyễn Thành V hiện đang sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại 120/1 ấp Tân Hiệp, xã Giao Thạnh, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn chị Nguyễn Thị M2 và anh Nguyễn Thành V đã được toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[4] Về nội dung vụ án: chị M1 yêu cầu chị M2 và anh V có nghĩa vụ liên đới trả cho chị M1 số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày thụ lý đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 10%/năm, cụ thể:  $10\%/12 \text{ tháng} \times 06 \text{ tháng} 08 \text{ ngày} \times 70.000.000 \text{ đồng} = 3.651.666 \text{ đồng}$ . Tổng cộng lãi và vốn chị M2 và anh V có nghĩa vụ trả cho chị M1 là 73.651.666 đồng. Chị M2 thừa nhận chị M2 có ký tên vào giấy giao hui ngày 11/12/2019 do chị M1 giao nộp cho Tòa án nhưng chị M2 không đọc nội dung và chị M2 nghĩ đó là giấy giao hui ghi số tiền chị M2 còn nợ chị Thuộc là 70.000.000 đồng nên chị M2 mới đồng ý ký tên cho chị Thuộc. Nay chị M1 khởi kiện yêu cầu chị trả số tiền 70.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định thì chị M2 không đồng ý do chị M2 không có nợ tiền chị M1; chị Thuộc khởi kiện yêu cầu chị M2 trả số tiền 70.000.000 đồng nêu trên thì chị M2 mới đồng ý.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của chị M1 về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị M2 và anh V có nghĩa vụ liên đới trả cho chị M1 số tiền 70.000.000 đồng. Xét thấy: hợp đồng góp hui giữa chị M2, chị Thuộc và giữa chị Thuộc, chị M1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Chị M2 thừa nhận chị M2 có ký tên vào giấy giao hui ngày 11/12/2019 do chị M1 giao nộp cho Tòa án nhưng chị M2 không đọc nội dung và nghĩ đó là giấy giao hui ghi số tiền chị M2 còn nợ chị Thuộc là 70.000.000 đồng nên chị M2 mới đồng ý ký tên cho chị Thuộc. Chị M2 thừa nhận giấy giao hui ngày 11/12/2019 do chị M1 giao nộp cho Tòa án là chữ ký của chị M2 nên chị M2 không yêu cầu giám định; do đó giấy giao hui ngày 11/12/2019 được xem là tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án. Từ những căn cứ nêu trên có cơ sở xác định có sự thỏa thuận về việc chị M2 nợ chị Thuộc 14 phần hui chết, mỗi phần hui 5.000.000 đồng tương đương với số tiền 70.000.000 đồng tiền hui chết nhưng chị Thuộc nợ chị M1 số tiền 100.000.000 đồng thì chị M2 sẽ có nghĩa vụ trả 70.000.000 đồng cho chị M1 thay cho chị Thuộc. Lẽ đó việc chị Võ Thị M1 yêu cầu chị Nguyễn Thị M2 và anh Nguyễn Thành V có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Võ Thị M1 số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi 3.651.666 đồng là phù hợp với Điều 365, và 370 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tổng số tiền chị Nguyễn Thị

M2 và anh Nguyễn Thành V có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Võ Thị M1 là 73.651.666 đồng.

[6] Chị Nguyễn Thị M2 và anh Nguyễn Thành V có nghĩa vụ liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau:  $5\% \times 73.651.666 \text{ đồng} = 3.682.583 \text{ đồng}$ .

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị M1 (Võ Thị Thúy An). Buộc chị Nguyễn Thị M2 và anh Nguyễn Thành V có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Võ Thị M1 số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi 3.651.666 đồng. Tổng số tiền chị Nguyễn Thị M2 và anh Nguyễn Thành V có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Võ Thị M1 là 73.651.666 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị M2 và anh Nguyễn Thành V có nghĩa vụ liên đới chịu 3.682.583 đồng.

Chị Võ Thị M1 được Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.042.000 đồng theo biên lai thu số 0002803 ngày 04 tháng 10 năm 2021.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Dương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Tơ**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Nguyễn Thị Mơ-Nguyễn Văn Chót**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Nguyễn Thị Vân**





